

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: /2025/QH15

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về thí điểm một số cơ chế, chính sách để tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về thí điểm một số cơ chế, chính sách tháo gỡ chi tiêu tài chính từ ngân sách nhà nước, hoạt động của tổ chức và nhân lực trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và hoạt động khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp, công nghệ chiến lược; cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, đầu thầu, tài chính và thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động chuyển đổi số quốc gia, phát triển hạ tầng số, công nghiệp công nghệ số chiến lược để tháo gỡ vướng mắc tạo cơ chế, chính sách vượt trội trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia* là nền tảng số, hệ thống thông tin cho phép các cơ quan, tổ chức từ trung ương đến địa phương sử dụng, khai thác chung.

2. *Nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô vùng* là nền tảng số, hệ thống thông tin cho phép các cơ quan, tổ chức trong vùng sử dụng, khai thác chung.

Chương II

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 4. Về cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được nhà nước đầu tư và giao kinh phí thường xuyên để hỗ trợ, phát triển tổ chức; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm ở mức độ cao nhất, gồm: chủ động sử dụng các nguồn tài chính để chi thường xuyên; chủ động trích quỹ phân phối kết quả tài chính trong năm theo quy chế chi tiêu nội bộ; đăng ký kinh doanh; thực hiện liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để ứng dụng/thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; tổ chức quản trị theo mô hình doanh nghiệp; chủ động xác định tổ chức bộ máy và số lượng người làm việc; người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập chủ động trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của tổ chức.

Điều 5. Việc thành lập, điều hành doanh nghiệp từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ do chính cơ sở, tổ chức đó sở hữu, được giao đại diện sở hữu.

Viên chức, viên chức quản lý làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập được tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp và làm việc tại doanh nghiệp do tổ chức đó thành lập hoặc tham gia thành lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu do tổ chức đó tạo ra khi được sự đồng ý của người đứng đầu tổ chức.

Điều 6. Chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Tổ chức, cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ được miễn trách nhiệm dân sự trong trường hợp xảy ra thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai đã thực hiện đầy đủ các quy định, quy trình

ngiên cứu, nội dung thuyết minh nhưng không đi đến kết quả như dự kiến thì không phải trả lại kinh phí đã sử dụng.

Điều 7. Về cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ưu tiên cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua các quỹ khoa học và công nghệ. Các quỹ khoa học và công nghệ hoạt động theo cơ chế quỹ:

a) Lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ chuyển tiếp và dự toán ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mở mới.

b) Dự toán ngân sách nhà nước cho mở mới hằng năm được xây dựng trên cơ sở dự kiến số lượng nhiệm vụ mở mới, kinh phí trung bình/năm của các nhiệm vụ đã được mở mới trong năm trước năm lập kế hoạch và ước kinh phí tăng thêm khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và trượt giá.

c) Kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp hằng năm để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua các quỹ khoa học và công nghệ bao gồm kinh phí cho các nhiệm vụ chuyển tiếp và dự toán ngân sách cho các nhiệm vụ mở mới, được cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của quỹ tại Kho bạc nhà nước.

2. Các quỹ khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia là các quỹ được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp ban đầu, kinh phí cấp bổ sung hằng năm từ ngân sách nhà nước; và các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ quản của cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

b) Các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp ban đầu, kinh phí cấp bổ sung hằng năm từ ngân sách nhà nước cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đóng góp của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; và các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác; Bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh là cơ quan chủ quản của cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ khoa học và công nghệ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, triển khai tài trợ, hỗ trợ, cấp kinh phí cho các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bảo đảm đúng tiến độ,

chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá để bảo đảm việc sử dụng kinh phí của các tổ chức chủ trì đúng mục đích, yêu cầu và tiến độ giải ngân.

4. Cơ quan chủ quản của cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ khoa học và công nghệ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan quản lý quỹ khoa học và công nghệ, bảo đảm việc giải ngân và sử dụng ngân sách nhà nước đã cấp đúng tiến độ và có hiệu quả.

5. Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động của các quỹ khoa học và công nghệ phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học công nghệ.

Điều 8. Áp dụng khoán chi trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện việc khoán chi đối với các nội dung chi sau:

1. Công lao động trực tiếp. Tổ chức chủ trì được tự chủ, tự chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong trường hợp cần thiết, mức thuê chuyên gia do Tổ chức chủ trì tự quyết định và đảm bảo hiệu quả;

2. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

3. Tọa đàm, hội thảo khoa học;

4. Công tác trong nước phục vụ hoạt động nghiên cứu;

5. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;

6. Điều tra, khảo sát thu thập số liệu;

7. Mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư và các vật tiêu hao khác phục vụ hoạt động nghiên cứu đã có định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định hiện hành hoặc chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật nhưng đã được thuyết minh trong thuyết minh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

8. Mua dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo; văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in, phô tô tài liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Điều 9. Quyền quản lý, sử dụng, sở hữu tài sản trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và quyền quản lý, sử dụng, sở hữu đối với kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tài sản trang bị để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước là vật không tiêu hao theo quy định tại khoản 2 Điều 112 Bộ luật dân sự:

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà tổ chức chủ trì nhiệm vụ là cơ quan nhà nước; đơn vị vũ trang nhân dân; đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan đảng cộng sản; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp (gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị): Sau khi hoàn thành mục đích sử dụng cho triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ (không chờ đến thời điểm kết thúc nhiệm vụ) thì tài sản này được xác định là tài sản Nhà nước giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng; không cần thực hiện thủ tục hành chính về việc ban hành quyết định giao tài sản, biên bản bàn giao tài sản.

b) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức chủ trì nhiệm vụ không thuộc quy định tại điểm a khoản này: Sau khi hoàn thành mục đích sử dụng cho triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ (không chờ đến thời điểm kết thúc nhiệm vụ) thì tài sản này được xác định là tài sản Nhà nước giao cho tổ chức chủ trì quyền sở hữu; không cần thực hiện thủ tục hành chính về việc ban hành quyết định giao tài sản, biên bản bàn giao tài sản.

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, không cần thực hiện thủ tục hành chính về việc giao quyền, có quyền quản lý, sử dụng kết quả của nhiệm vụ phù hợp với quy định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Luật Sở hữu trí tuệ (đối với tổ chức chủ trì là cơ quan, tổ chức, đơn vị tại điểm a khoản 1 Điều này) hoặc có quyền sở hữu quyền tài sản đối với các kết quả của nhiệm vụ đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ (đối với tổ chức chủ trì khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều này), trừ những trường hợp sau:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề xuất đặt hàng thực hiện để giao cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tiếp tục đầu tư, nghiên cứu, hoàn thiện, tổ chức ứng dụng và thương mại hóa;

c) Kết quả nhiệm vụ cần thiết được phổ biến rộng rãi để lan tỏa tri thức, ứng dụng để phục vụ cộng đồng, phòng bệnh, chữa bệnh, bảo đảm dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội;

d) Tổ chức chủ trì có yếu tố nước ngoài hoặc đặt ở nước ngoài.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức có quyền quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu, phát triển theo quy định tại khoản 2 Điều này được đăng ký sở hữu trí tuệ các kết quả khi đáp ứng yêu cầu của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Khi được cấp văn

bằng bảo hộ, cơ quan, đơn vị, tổ chức này được đại diện thực hiện quyền của chủ sở hữu.

4. Tổ chức sở hữu kết quả nghiên cứu, phát triển theo quy định tại khoản 2 Điều này, có quyền công bố, đăng ký sở hữu trí tuệ các kết quả khi đáp ứng yêu cầu của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

5. Trong trường hợp cần thiết, Nhà nước thu hồi kết quả nghiên cứu, phát triển của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước để phổ biến rộng rãi phục vụ cộng đồng, phòng bệnh, chữa bệnh, bảo đảm dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội.

6. Trường hợp sau 05 năm khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, tổ chức chủ trì không thực hiện triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ mà có tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu thì Nhà nước sẽ thu hồi và giao cho tổ chức, cá nhân đó để tiếp tục phát triển, ứng dụng.

Điều 10. Quản lý, sử dụng tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm:

a) Tài sản trang bị để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này;

b) Tài sản hình thành từ kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị quyết này.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản trang bị để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước:

a) Đối với tài sản trang bị để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này, tổ chức chủ trì hạch toán, quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Đối với tài sản trang bị để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này, tổ chức chủ trì được hạch toán, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại hình của tổ chức.

3. Đối với tài sản hình thành từ kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước mà tổ chức chủ trì là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9, có quyền quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị quyết này, thì tổ chức chủ trì được:

a) Theo dõi riêng tài sản, không hạch toán chung vào tài sản của tổ chức, không phải xác định nguyên giá, giá trị còn lại, khấu hao, hao mòn tài sản;

b) Tự chủ, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê, kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết không hình thành pháp nhân mới để phát triển và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Không cần phải định giá tài sản và thực hiện các thủ tục lập đề án, báo cáo cấp có thẩm quyền theo trình tự thủ tục quy định tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Bán, chuyển nhượng tài sản; góp vốn bằng tài sản để liên doanh, liên kết có hình thành pháp nhân mới thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

d) Tự chủ, tự quyết định trong việc sử dụng tài sản để liên kết, thương mại hóa dưới hình thức cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng tài sản.

4. Đối với tài sản hình thành từ kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước mà tổ chức chủ trì là cơ quan, tổ chức, đơn vị tại điểm b khoản 1 Điều 9, có quyền sở hữu theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị quyết này, tổ chức chủ trì được sử dụng tài sản theo quy định pháp luật áp dụng đối với loại hình của tổ chức.

5. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm tổ chức khai thác tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, tiếp tục đầu tư để thương mại hóa bảo đảm hiệu quả.

6. Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 có trách nhiệm kiểm tra, giám sát tổ chức chủ trì trong việc sử dụng tài sản bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

7. Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc hình thành hệ thống thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, định kỳ báo cáo đánh giá hiệu quả của việc sử dụng tài sản trong thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Điều 11. Ưu đãi thuế cho hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Các khoản đầu tư, tài trợ của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp được tính vào chi phí trừ khi xác định thu nhập chịu thuế doanh nghiệp bằng 100% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập khác từ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước là các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân.

Điều 12. Phát triển công nghệ chiến lược

1. Công nghệ chiến lược là công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- a) Tạo đột phá trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;
- b) Có tính chất quan trọng đặc biệt đối với vị thế đối ngoại, lợi ích, chủ quyền và an ninh quốc gia;
- c) Đóng góp trực tiếp vào quá trình nâng cao năng lực tự chủ công nghệ.

2. Sản phẩm công nghệ chiến lược là sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- a) Có tỷ trọng nội địa hóa cao trong cơ cấu giá trị sản phẩm;
- b) Hỗ trợ đạt được các mục tiêu chiến lược về kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, ngoại giao.
- c) Góp phần tăng quy mô doanh thu và thị phần của các ngành công nghiệp chiến lược.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Điều 13. Về đầu tư, thuê, mua sắm, đấu thầu phục vụ hoạt động chuyển đổi số

1. Sử dụng ngân sách trung ương để đầu tư, mua sắm, thuê, duy trì, vận hành, bảo trì các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng để sử dụng chung cho các cơ quan, tổ chức, bảo đảm hiệu quả và tránh lãng phí.

Quy trình, thủ tục bố trí kinh phí đầu tư, mua sắm, thuê, duy trì, vận hành, bảo trì các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng để sử dụng chung cho các cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước, pháp luật đầu tư công.

2. Trong giai đoạn 2025-2026, người đứng đầu các Bộ, ngành, địa phương được phép áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc các nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số để triển khai, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành,

địa phương; các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng quy định tại khoản 1 Điều này; trung tâm giám sát, điều hành thông minh; triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và các dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số khác theo yêu cầu tại nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 14. Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp tham gia nhanh hạ tầng mạng 5G

1. Hỗ trợ tài chính để khuyến khích cho doanh nghiệp viễn thông triển khai nhanh hạ tầng 5G trong năm 2025 đạt tối thiểu 20.000 trạm BTS 5G từ nguồn thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thu được trong giai đoạn 2024-2027.

2. Mức hỗ trợ một trạm BTS 5G tính bằng 15% chi phí đầu tư bình quân thiết bị cho một trạm BTS 5G thực hiện trong năm 2025 của các doanh nghiệp viễn thông.

3. Số trạm BTS 5G được hỗ trợ là tổng số trạm BTS 5G doanh nghiệp đã nghiệm thu đưa vào sử dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 15. Phát triển các tuyến cáp viễn thông kết nối quốc tế trên biển do doanh nghiệp viễn thông Việt Nam tham gia góp vốn hoặc là chủ đầu tư

1. Các dự án đầu tư các tuyến cáp viễn thông kết nối quốc tế trên biển có trạm cập bờ tại Việt Nam được áp dụng quy trình thủ tục quy định cho dự án đầu tư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật đầu tư.

2. Cho phép cấp phê duyệt chủ trương đầu tư quyết định việc sử dụng hình thức chỉ định thầu thực hiện dự án đầu tư xây dựng các tuyến cáp viễn thông kết nối quốc tế trên biển triển khai trong giai đoạn từ 2025-2030 để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp.

3. Trong trường hợp không sử dụng hình thức chỉ định thầu, việc lựa chọn nhà thầu để triển khai dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo thông lệ quốc tế được các bên thống nhất và ký kết giữa doanh nghiệp viễn thông Việt Nam và tổ chức nước ngoài là thành viên góp vốn đầu tư xây dựng tuyến cáp quang biển quốc tế.

Điều 16. Thí điểm thử nghiệm có kiểm soát triển khai dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp

1. Thí điểm thử nghiệm có kiểm soát mô hình đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình mạng viễn thông vệ tinh sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp tại Việt Nam trên nguyên tắc bảo đảm quốc phòng, an ninh, trong đó không giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc tỷ lệ đóng

góp của nhà đầu tư nước ngoài; thí điểm cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp thay thế việc cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho người sử dụng thiết bị đầu cuối. Thời gian thí điểm kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Căn cứ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho phép nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thí điểm theo quy định tại khoản 1 Điều này; quyết định các điều kiện triển khai thí điểm theo từng dự án đầu tư cụ thể bao gồm loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi triển khai; số lượng thuê bao tối đa, tần số sử dụng; các yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh khi triển khai thí điểm và các yêu cầu, điều kiện cần thiết khác nhằm bảo đảm mục tiêu của thí điểm và lợi ích quốc gia.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông-cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về viễn thông và Nghị quyết này; hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục và cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp; chủ trì phối hợp với các bộ ngành liên quan giám sát, đánh giá việc triển khai thí điểm, báo cáo Quốc hội sau thời gian thí điểm.

4. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm tra, kiểm soát hoạt động triển khai thí điểm bảo đảm quốc phòng, an ninh.

5. Mức thu lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được cấp phép thí điểm áp dụng theo quy định hiện hành về mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện và mức thu phí sử dụng tần số vô tuyến điện. Phí sử dụng tần số vô tuyến điện tính theo thời gian sử dụng tần số vô tuyến điện và theo thực tế số lượng thiết bị đầu cuối hòa mạng sử dụng dịch vụ do doanh nghiệp báo cáo.

Điều 17. Chính sách hỗ trợ dự án công nghiệp công nghệ số chiến lược có tính chất đặc biệt

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 30% tổng mức đầu tư dự án và không quá 12.800 tỷ đồng để xây dựng nhà máy chế tạo chip bán dẫn quy mô nhỏ, công nghệ cao phục vụ nhu cầu nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn do Bộ Quốc phòng chủ trì, chỉ đạo Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội thực hiện theo chiến lược bán dẫn .

2. Nguồn vốn hỗ trợ dự án được chi từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

3. Chính sách hỗ trợ dự án công nghiệp công nghệ số chiến lược có tính chất đặc biệt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện trong thời gian kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2028.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng 02 năm 2025 và hết hiệu lực khi Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có hiệu lực thi hành hoặc hết thời gian thí điểm quy định tại Nghị quyết này.

2. Quy định chuyển tiếp đối với việc quản lý, xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học công nghệ:

a) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị quyết này đã có quyết định phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành quyết định xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

b) Tổ chức chủ trì không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công.

3. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị quyết này và luật, nghị quyết khác của Quốc hội ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.

4. Chính phủ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

5. Chính phủ quy định chi tiết Nghị quyết này.

6. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách

nhiệm nếu triển khai Nghị quyết xảy ra các hành vi, tác động tiêu cực, lợi ích nhóm, lãng phí.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ thông qua ngày tháng 02 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn